

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 95

LUẬN VỀ HỌC CHI (Phần 3)

Thế nào là Kiến? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về chánh lý. Nghĩa là hoặc có người nói: Các pháp hữu vi đều là tánh Kiến. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì hành tướng mạnh mẽ nhanh nhạy, cho nên pháp hữu vi đều là tánh Kiến. Vì ngăn chặn ý ấy để hiển bày chỉ riêng nhãn căn và tuệ quyết đoán là Kiến, chứ không phải là loại nào khác.

Hoặc có người nói: Hiện quán biên Nhãn cũng là tánh Trí. Như pháp Thí Dụ, họ nói như vậy: Trí vô lậu vào lúc nhãn bắt đầu rơi vào cảnh cho nên gọi là Nhãn, về sau an trú trong cảnh cho nên gọi là Trí, như người vượt chận đường xa đến nơi bằng phẳng, ban đầu nghĩ rằng dừng lại, về sau thì an trú. Đại đức cũng nói: Trí bậc Hạ gọi là Nhãn, trí bậc Thượng gọi là Trí. Vì ngăn chặn ý ấy để hiển bày Nhãn vô lậu là Kiến chứ không phải là Trí.

Có người khác lại nói: Tận trí-Vô sinh trí cũng là tánh Kiến. Vì ngăn chặn ý ấy để hiển bày sự chấm dứt tìm kiếm kia, không còn suy đoán gì nữa là Trí chứ không phải là Kiến. Lại nữa, trong chương Trí uẩn này, cần phải phân biệt đầy đủ về ba tự tánh sai biệt của Kiến-Trí và Tuệ, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là Kiến?

Đáp: Nhãn căn-năm kiến, thế tục-Chánh kiến, Kiến Học và Vô học.

Hỏi: Vì sao nhãn căn lại gọi là Kiến?

Đáp: Bởi vì bốn sự:

1. Bởi vì Hiền Thánh nói.

2. B

ớ
,

i

v

ì

t

h

e

↖

t

u

.

c

n

o

,

i

.

3. Bởi vì trong kinh nói.

4. Bởi vì thế gian hiện thấy.

Bởi vì Hiền Thánh và thế tục nói, nghĩa là các bậc Hiền Thánh và những người thế tục cùng nói như vậy: Mắt mình trông thấy những điều qua lại-đi đứng-ngồi nằm ... của thấy, vì sao lại như vậy?

Bởi vì trong kinh nói, nghĩa là trong kinh nói mắt trông thấy sắc rồi, không nên giữ lấy tướng và giữ lấy vẻ đẹp tùy thuộc. Lại nói như vậy: Mắt trông thấy sắc rồi, không nên giữ lấy tướng và giữ lấy vẻ đẹp tùy thuộc. Lại nói như vậy: Mắt thấy sắc rồi nên quán tướng bất tịnh mà tư duy đúng như lý. Lại nói như vậy: Mắt trông thấy sắc rồi, không nên yêu thích, xấu không nên chán ghét. Lại nói như vậy: Mắt trông thấy sắc rồi, dấy khởi ý cận hành với ba loại Hỷ-Uỷ-Xả. Lại nói như vậy: Mắt trông thấy sắc rồi, không nên vui mừng-lo buồn, chỉ nên trú vào Chánh niệm-Chánh tri mà rời bỏ.

Bởi vì thế gian hiện thấy, nghĩa là thế gian hiện thấy mắt trong sáng thì điều đã thấy không có sai lầm, mắt không trong sáng thì điều đã thấy có sai lầm. Lại nữa, thế gian hiện thấy có nhãn căn thì có thể trông thấy các sắc, không có nhãn căn thì không thể nào trông thấy sắc. Lại nữa, thế gian hiện thấy mắt mà có nơi hưởng về thì có thể trông thấy sắc nơi ấy, không có nơi hưởng về thì không thể nào trông thấy được. Lại nữa, thế gian hiện thấy phần nhiều không thể nào trông thấy các sắc bị ngăn cách, bởi vì mắt có ngăn cản.

Tôn giả Thế Hữu nói như vậy: “Vì sao nhãn căn lại gọi là Kiến? Nghĩa là thế gian hiện thấy người có mắt trong sáng thì nói là tôi trông thấy rõ ràng, người có mắt không thấy trong sáng thì nói tôi trong thấy không rõ ràng.”

Đại đức nói rằng: “Vì sao nhãn căn lại gọi là Kiến? Nghĩa là trong kinh nói: Do nhãn căn mà đạt được, do nhãn thức mà hiểu rõ, cho nên gọi là cái đã trông thấy. Thế tục cũng như vậy. Vì thế cho nên nhãn căn gọi là Kiến.”

Năm Kiến , đó là Hữu thân kiến, Biên chấp kiến, Tà kiến, Kiến thủ, Giới cấm thủ.

Hỏi: Tại sao năm loại này lại gọi là Kiến?

Đáp: Bởi vì bốn sự.

1. Bởi vì cách nhìn, nghĩa là tự mình quan sát nhìn nhận mà thuận theo giữ lấy cảnh.

Hỏi: Năm loại này quan sát nhìn nhận điên đảo kỳ quái, làm sao gọi là Kiến?

Đáp: Những loại này tuy quan sát nhìn nhận điên đảo kỳ quái, mà đều là tánh Tuệ, cho nên gọi là Kiến; như nhãn căn của con người, tuy không sáng tỏ rõ ràng mà có thể quan sát nhìn ngó, cho nên cũng gọi là Kiến.

2. Bởi vì quyết đoán, nghĩa là có thể quyết đoán mà thuận theo giữ lấy cảnh.

Hỏi: Đã là một sát-na thì làm sao quyết đoán?

Đáp: Bởi vì tánh mạnh mẽ nhanh nhạy cho nên thiết lập tên gọi là quyết đoán.

3. Bởi vì cố chấp, nghĩa là đối với cảnh của mình thì chấp trước vô cùng kiên cố, không phải là lưới gươm Thánh đạo thì không thể nào làm cho rời bỏ được, Phật và đệ tử dùng lưới gươm Thánh đạo, chặt đứt răng nhọn của Kiến ấy, sau đó mới rời bỏ được. Như có loài thú biển tên gọi Thất-thủ-ma-la, hễ đã ngậm vật gì thì giữ chặt không rời bỏ, phải dùng dao sắc chặt đứt răng của nó, sau đó mới rời bỏ; năm Kiến cũng như vậy.

4. Bởi vì đi sâu vào, nghĩa là sắc nhọn đi sâu vào sở duyên như cây kim rơi thẳng xuống bùn.

Lại nữa, bởi vì hai sự cho nên năm loại này gọi là Kiến:

1. Bởi vì chăm chú nhìn theo.

2. Bởi vì suy xét tìm tòi.

Lại nữa, bởi vì ba sự cho nên năm loại này gọi là Kiến:

1. Bởi vì thấy tướng hợp với nhau.

2. Bởi vì có thể thành sự việc trông thấy.

3. Bởi vì đối với duyên không có gì ngăn ngại.

Lại nữa, bởi vì ba sự cho nên năm loại này gọi là Kiến:

1. Bởi vì ý thích.

2. Bởi vì chấp trước.

3. Bởi vì tìm kiếm.

Lại nữa, bởi vì ba sự cho nên gọi là Kiến:

1. Bởi vì ý thích.

2. Bởi vì gia hạnh.

3. Bởi vì không hiểu biết gì.

Bởi vì ý thích, đó là đạt được Định là kiến. Bởi vì gia hạnh, đó là suy nghĩ tìm tòi là Kiến. Bởi vì không hiểu biết gì, đó là thuận theo nghe là Kiến.

Lại nữa, bởi vì ý thích, đó là thích làm hồng tà kiến; bởi vì gia hạnh, đó là gia hạnh làm hồng là Kiến; bởi vì không hiểu biết gì, đó là

cùng làm hồng là Kiến.

Vì thế cho nên năm loại này cũng gọi là Kiến.

Chánh Kiến thế tục, đó là thức thiện tương ứng với Tuệ, là tánh Kiến cho nên gọi là Kiến.

Kiến Học, đó là Tuệ vô lậu của Học. Kiến Vô học, đó là Chánh kiến Vô học. Hai loại này cũng cùng là tánh Kiến, cho nên gọi là Kiến.

Nên biết trong này, năm Kiến đối với cảnh như đêm âm u thấy sắc, Chánh kiến thế tục đối với cảnh như đêm quang đăng thấy sắc, Kiến Học đối với cảnh như ngày âm u thấy sắc, Kiến Vô học đối với cảnh như ngày quang đăng thấy sắc.

Hỏi: Thế nào là Trí?

Đáp: Năm thức tương ứng với Tuệ, trừ ra Nhãn vô lậu, còn lại ý thức tương ứng với Tuệ. Trong này, năm thức tương ứng với Tuệ có ba loại:

1. Thiện.
2. Nhiễm ô.
3. Vô phú vô ký.

Thiện, đó là chỉ riêng Sanh đắc thiện. Nhiễm ô, đó là chỉ riêng tương ứng với tham sân si do tu mà đoạn. Vô phú vô ký, đó là dị thực sinh, cũng có phần ít Oai nghi lộ-Công xảo xứ và Thông quả tâm câu sinh. Còn lại ý thức tương ứng với Tuệ cũng có ba loại:

1. Thiện.
2. Nhiễm ô.
3. Vô phú vô ký.

Thiện có hai loại:

1. Hữu lậu.
2. Vô lậu.

Thiện hữu lậu có ba loại:

1. Gia hạnh đắc.
2. Ly nhiễm đắc.
3. Sinh đắc.

Gia hạnh đắc, đó là do Văn mà thành Tuệ, do Tư mà thành Tuệ, do Tu mà thành Tuệ; do Văn mà thành Tuệ, đó là đối với văn nghĩa quyết định chọn lựa đúng như lý; do Tư mà thành Tuệ, đó là quán bất tịnh-Trì tức niệm và Niệm trú... do Tu mà thành Tuệ, đó là Noãn-Đảnh-Nhãn-Thế đệ nhất pháp, Hiện quán biên-Thế tục trí, Vô lượng-Giải thoát-Thắng xứ-Biên xứ... Ly nhiễm đắc, đó là Tĩnh lực-Vô lượng-Vô-

sắc-Giải thoát-Thắng xứ-Biên xứ... Sinh sắc, đó là sinh ở địa ấy do pháp vốn như vậy mà đạt được thiện.

Vô lậu có hai loại:

1. Học.
2. Vô học.

Học, đó là tám trí về Học. Vô học, đó là Tận trí-Vô sinh trí, trí Chánh kiến Vô học.

Nhiễm ô, đó là phiền não-tùy phiền não tương ưng do Kiến-tu mà đoạn.

Vô phú vô ký, đó là dị thực sinh-oai nghi lộ-công xảo xứ-thông quả tâm câu sinh.

Hỏi: Thế nào là Tuệ?

Đáp: Sáu thức tương ưng với Tuệ.

Tuệ này có ba loại:

1. Thiện.
2. Nhiễm ô.
3. Vô phú vô ký.

Rộng ra như trước nói. Có điểm sai biệt, tám Nhẫn vô lậu cũng là Tuệ thâm nhiếp, bởi vì bao gồm Trạch pháp, cho nên tất cả tâm câu sinh đều có thể có Tuệ.

Đã nói về ba loại tự tánh của Kiến-Trí và Tuệ, lại cần phải phân biệt về tướng xen tạp và không xen tạp của ba loại này.

Hỏi: Các kiến đều là Trí chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì tự tánh của Kiến và Trí cùng có rộng-hẹp.

1. Có Kiến mà không phải là Trí, đó là nhãn căn và Nhẫn vô lậu.

Hỏi: Vì sao nhãn căn không gọi là Trí?

Đáp: Bởi vì nhãn căn là sắc, Trí không phải là sắc. Lại nữa, nhãn căn không tương ưng, không có sở y, không có sở duyên, không có hành tướng, không có cảnh giác, Trí thì không như vậy.

Hỏi: Vì sao Nhẫn vô lậu không phải là Trí?

Đáp: Bởi vì Nhẫn vô lậu đối với Đế đã quán, tuy Nhẫn mà chưa quyết định, tuy quán mà chưa xem xét, tuy tìm kiếm mà chưa đến cuối cùng, tuy quán sát mà chưa biết rõ ràng, tuy hiện quán mà chưa xem xét lại, chỉ thực hiện công dụng gia hạnh không ngừng, cho nên không gọi là Trí. Lại nữa, nghĩa về quyết định là nghĩa của Trí, Nhẫn và Nghi đã đoạn có thể cùng sinh khởi, đối với cảnh đã thấy chưa quyết định đến

mức cao nhất, cho nên không gọi là Trí.

Tôn giả Thế Hữu nói như vậy: “Nhẫn đối với Thánh đế tuy đích thực có thể Nhẫn, mà chưa biết kỹ càng, cho nên không gọi là Trí.”

Đại đức nói rằng: “Nhìn nhận sự việc đến cuối cùng mới thiết lập tên gọi của Trí, không phải là lúc bắt đầu Nhẫn thì nhìn nhận sự việc đến cuối cùng, cho nên Nhẫn vô lậu tuy không gọi là Trí mà thật sự là Trí.”

Vụ Tôn giả nói: “Quán xét lại gọi là Trí, từ vô thủy đến nay đối với bốn Thánh đế, chưa có một niệm Thánh tuệ nào đã từng quán xét, Nhẫn phát khởi bắt đầu quán xét, cho nên chưa gọi là Trí. Năm thức cùng Tuệ tuy đối với sở duyên không có năng lực quán xét lại, mà cảnh như sắc... từ vô thủy đến nay, đã khởi lên vô lượng tuệ quán hữu lậu. Dựa vào chủng loại mà nói thì đã gọi là quán xét lại, cho nên cũng gọi là Trí. Trí hữu lậu khác không duyên lại, dựa theo đây nên biết, không cần phải chất vấn làm gì.”

2. Có trí mà không phải là Kiến, đó là năm thức thân tương ứng với tuệ-Tận trí-Vô sinh trí, trừ ra năm Kiến và Chánh kiến thế tục, còn lại ý thức tương ứng với tuệ hữu lậu.

Hỏi: Vì sao năm thức thân tương ứng với tuệ mà không phải là Kiến?

Đáp: Hành tướng mạnh mẽ nhanh nhạy đi sâu vào sở duyên thì gọi là Kiến; năm thức thân tương ứng với tuệ thì hành tướng không mạnh mẽ nhanh nhạy, không có năng lực đi sâu vào sở duyên, cho nên không gọi là Kiến. Lại nữa, Kiến có năng lực phân biệt, mà tuệ ấy không có năng lực phân biệt; Kiến có năng lực duyên với tự tướng-cộng tướng, àm tuệ ấy chỉ có năng lực duyên với tự tướng; Kiến có năng lực duyên với ba đời và vô vi, mà tuệ ấy chỉ có năng lực duyên với hiện tại; Kiến có năng lực thường xuyên giữ lấy cảnh, mà tuệ ấy chỉ có năng lực giữ lấy cảnh trong một sát-na; Kiến cân nhắc quán sát đối với sở duyên, tuệ ấy thì không như vậy. Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên năm thức thân tương ứng với tuệ không gọi là Kiến.

Hỏi: Tận trí-Vô sinh trí tại sao không phải là Kiến?

Đáp: Bởi vì hành tướng của hai trí này không mạnh mẽ nhanh nhạy, không đi sâu vào sở duyên. Lại nữa, Kiến thực hiện công dụng gia hạnh không ngừng; hai trí này thì không như vậy, như chim đậu yên một chỗ, cho nên không gọi là Kiến. Lại nữa, tìm kiếm quán sát thì gọi là Kiến, hai trí này không như vậy, cho nên không gọi là Kiến.

Vì vậy, Tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Tận trí-Vô sinh trí đã làm

xong những việc cần làm, lại không có sự việc gì hơn hẳn mà có thể tìm kiếm, cho nên không gọi là Kiến.”

Có người đưa ra cách nói này: Các tuệ vô lậu, tổng quát có hai loại:

1. Có thể đối trị với ác kiến.
2. Có thể đối trị với không hiểu biết gì.

Có thể đối trị với ác kiến thì gọi là Kiến, Tận trí-Vô sinh trí chỉ có thể đối trị với không hiểu biết gì, cho nên không gọi là Kiến.

Lại có người nói: Các tuệ vô lậu, tổng quát có ba loại:

1. Chỉ có thể đối trị với ác Kiến.
2. Chỉ có thể đối trị với không hiểu biết gì.
3. Có thể đối trị với ác kiến và không hiểu biết gì.

Chỉ có thể đối trị với ác kiến, là Kiến chứ không phải là Trí, đó là Nhãn vô lậu hiện quán biên. Chỉ có thể đối trị với không hiểu biết gì, là Trí chứ không phải là Kiến, đó là Tận trí-Vô sinh trí. Có thể đối trị cả hai loại, là Trí mà cũng là Kiến, đó là những tuệ vô lậu khác.

Tôn giả Thế Hữu nói như vậy: “Suy đoán gọi là Kiến, Tận trí-Vô sinh trí thì việc làm đã đến nơi cuối cùng, không còn suy đoán gì nữa, cho nên không gọi là Kiến.” Lại nói như vậy: “Tìm kiếm gọi là Kiến, Tận trí-Vô sinh trí đã làm xong những việc cần làm, không còn tìm kiếm gì nữa, cho nên không gọi là Kiến.” Lại nói như vậy: “Nếu Tận trí-Vô sinh trí là tánh Kiến, thì các A-la-hán chỉ thuận theo thành tựu chín chi Vô học, trừ ra chi Chánh trí. Nhưng mà Đức Thế Tôn nói: Các A-la-hán thành tựu mười chi Vô học. Vì vậy Tận trí-Vô sinh trí không phải là Kiến.”

Hỏi: Như Chánh kiến thế tục-Kiến học-Kiến Vô học, tuy cũng là Trí mà gọi là Kiến; nếu Tận trí-Vô sinh trí, tuy cũng là Kiến mà gọi là Trí, thì điều này có gì sai?

Đáp: Như lúc bắt đầu tu tập gia hạnh về quán, Chánh kiến thế tục tuy có đủ tánh của Trí-Kiến, mà thiết lập chi Chánh kiến chứ không phải là chi Chánh trí; đã tiến vào phần vị Học thì tám trí của các Học, tuy có đủ tánh của Trí-Kiến, mà thiết lập chi Chánh kiến chứ không phải là chi Chánh trí; đã đến phần vị Vô học thì Chánh kiến Vô học, tuy có đủ tánh của Trí và Kiến, mà thiết lập chi Chánh kiến chứ không phải là chi Chánh trí. Nếu Tận trí-Vô sinh trí cũng có đủ tánh Trí-Kiến, cũng cần phải thiết lập chi Chánh kiến chứ không phải là chi chánh trí, vậy thì các A-la-hán chỉ thuận theo thành tựu chín chi Vô học. Như vậy thì trái với lời Đức Thế Tôn đã nói: Các A-la-hán thành tựu mười chi

Vô học.

Đại đức nói rằng: Tận trí-Vô sinh trí chắc chắn là tánh Kiến, bởi vì tánh quyết đoán.

Hỏi: Nếu như vậy thì A-la-hán thuận theo chỉ thành tựu chín chi Vô học?

Đáp: Hai chi chỉ có ở địa Vô học, đó là Chánh giải thoát và Chánh trí; tám chi cùng có ở địa Học và Vô học, đó là tám chi còn lại. Tận trí và Vô sinh trí tuy cũng là Kiến, mà những việc cần làm đã đạt được kết quả cuối cùng, khác với phần vị học trước kia, cho nên tách biệt mà thiết lập chi, không cần phải chất vấn làm gì.

Lời bình: Nên nói như vậy: Tận trí và Vô sinh trí là Trí chứ không phải là Kiến, bởi vì đã làm xong những việc cần làm, đối với bốn Thành để không còn suy xét tìm tòi gì nữa, gia hạnh đã ngừng.

Trừ ra năm Kiến và Chánh kiến thế tục, còn lại tuệ hữu lậu tương ứng với ý thức, ở đây có hai loại:

1. Nhiễm ô.
2. Vô phú vô ký.

Nhiễm ô, đó là Tham-Sân-Mạn-Nghi, và tuệ tương ứng với Vô minh bất cộng. Vô phú vô ký, đó là tuệ câu sinh của dị thực sinh-oai nghi lộ-công xảo xứ-thông quả tâm.

Hỏi: Vì sao tuệ tương ứng với Tham... thuộc ý địa mà không phải là Kiến?

Đáp: Bởi vì hành tướng của tuệ ấy không mạnh mẽ nhanh nhạy, không có năng lực đi sâu vào cảnh sở duyên. Lại nữa, bởi vì hai phiền não ấy làm cho khuất mờ và giảm sút; hai phiền não, đó là Tham-Sân-Mạn-Nghi tùy theo một loại, và vô minh tương ứng với nó.

Hỏi: Nếu như vậy thì tuệ tương ứng với Vô minh bất cộng phải là Kiến, bởi vì chỉ khởi lên tương ứng với một phiền não?

Đáp: Vô minh ấy có hai loại:

1. Vô minh bất cộng do Kiến mà đoạn, che lấp ngăn ngại rất nặng vượt quá hai phiền não.
2. Vô minh bất cộng do tu mà đoạn, tương ứng với tự lực mà khởi lên cấu nhiễm buộc chặt.

Bởi vì nó độc lập, cho nên có thể che lấp làm hại đến tuệ như Tham-Sân..., tuệ tương ứng với nó như tương ứng với Tham..., cũng không gọi là Kiến.

Hỏi: Vì sao tộ vô phú vô ký không phải là Kiến?

Đáp: Bởi vì hành tướng của tuệ ấy không mạnh mẽ nhanh nhạy,

không có năng lực đi sâu vào cảnh sở duyên. Lại nữa, thế lực của tuệ ấy rất yếu kém, cho nên không gọi là Kiến; cần phải có thế lực vững bền mạnh mẽ đối với cảnh thì gọi là Kiến.

Hỏi: Thế lực yếu kém của các tuệ dị thực sinh-oai nghi lộ đối với lý thì có thể như vậy, tuệ của công xảo xứ và tuệ tương ứng với Thông quả tâm có thế lực vững mạnh, lẽ nào không phải là Kiến hay sao?

Đáp: Tuệ của công xảo xứ tuy có thế lực vững mạnh nhất, như trời Tỳ-thấp-phược-yết-ma..., sự tạo tác của họ như Nguyên trí sinh ra, mà vì tà mạng làm cho che lấp và tổn hại, cho nên không gọi là Kiến. Nghĩa là việc làm tinh xảo đều cần phải lấy mạng sống làm nhân mà phát khởi, tuy tâm-tâm sở pháp của công xảo xứ vào lúc hiện rõ ở trước mắt là không nhiễm ô, mà vì sức mạnh của tà mạng đã dẫn dắt sinh ra, cho nên nói họ do tà mạng che lấp làm cho tổn hại, tức là nghĩa vì tham mà bị che lấp và tổn hại. Giả sử không bị tham làm che lấp và tổn hại, thì thế lực nông cạn-hành tướng kém cỏi, đối với cảnh sở duyên không có năng lực đi sâu vào, cho nên không gọi là Kiến.

Lại nữa, tuệ của công xảo xứ như Nghi mà chuyển, đối với cảnh sở duyên không thể nào quyết định được. Nguyên cố thế nào? Bởi vì tuy người rất khéo léo làm công việc tinh xảo, mà nếu bị người khác chỉ trích chê bai thì sẽ do dự; các tuệ Thông quả đối với cảnh sở duyên cũng không mạnh mẽ nhanh nhạy, không có năng lực đi sâu vào cảnh sở duyên, chỉ do thế lực của Định trước kia đã dẫn dắt tùy ý vận dụng mà chuyển, đối với cảnh sở duyên không suy xét tìm tòi, cho nên không gọi là Kiến.

Lại nữa, các tuệ Thông quả đó trước đây luyện tập thuần thực, những sự biến hóa làm nhân dẫn dắt sinh ra, như luyện tập tinh xảo, cho nên không gọi là Kiến.

Lại nữa, bốn tuệ vô ký như dị thực sinh... đều là thế lực yếu kém, như không thành tựu-thiện-không thành tựu nhiễm ô, cho nên không trở thành Kiến.

3. Có kiến cũng là Trí, đó là năm Kiến-Chánh kiến thế tục, trừ ra Nhân vô lậu và Tận trí-Vô sinh trí, còn lại tuệ vô lậu tức là trí về Học, và Chánh kiến Vô học. Tuệ vô lậu này và năm Kiến-Chánh kiến thế tục trước đây, đều có đủ tướng của hai loại Kiến-Trí, cho nên câu thứ ba thấu nhiếp.

4. Có loại không phải là Kiến cũng không phải là Trí, đó là trừ ra những tướng trước. Tướng là thuộc về danh, nếu pháp là do ba câu trước mà biểu hiện thì đều gọi là tướng, trừ ra tướng này thì pháp còn

lại làm câu thứ tư, là pháp do câu thứ tư mà biểu hiện. Điều này lại là thế nào? Nghĩa là trong Sắc uẩn trừ ra Nhân còn lại Sắc, ở trong Hành uẩn trừ ra Tuệ còn lại Hành, và ba Uẩn toàn phần cùng với pháp vô vi làm thành câu thứ tư.

Hỏi: Các Kiến đều là Tuệ chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì tự tánh của Kiến và Tuệ cùng có rộng hẹp.

1. Có Kiến mà không phải là Tuệ, đó là nhãn căn có năng lực quan sát nhìn thấy, bởi vì tự tánh là Sắc.

2. Có Tuệ mà không phải là Kiến, đó là Tuệ tương ứng với năm thức thân, Tận trí-Vô sinh trí, trừ ra năm Kiến và Chánh kiến thế tục, còn lại Tuệ hữu lậu tương ứng với ý thức, bởi vì tánh thuộc Trạch pháp, bởi vì không phải là suy đoán, nói rộng ra như trước.

3. Có Kiến cũng là Tuệ, đó là trừ ra Tận trí-Vô sinh trí, còn lại Tuệ vô lậu và năm Kiến-Chánh kiến thế tục, tức là Nhãn vô lậu-tám trí về Học và Chánh kiến Vô học..., bởi vì có năng lực suy đoán, bởi vì tánh thuộc Trạch pháp, có đủ hai loại tướng.

4. Có loại không phải là Kiến cũng không phải là Tuệ, đó là trừ ra những tướng trước. Tướng là thuộc về danh, nói rộng ra như trước.

Hỏi: Các Trí đều là Tuệ chẳng?

Đáp: Các Trí đều là Tuệ, bởi vì có năng lực xét quyết đoán đều là Trạch pháp. Có Tuệ mà không phải là Trí, đó là Nhãn vô lậu bắt đầu quán về cảnh của Đế mà chưa xem xét quyết đoán.

Kiến thâm nhiếp Trí hay là Trí thâm nhiếp Kiến? Cho đến nói rộng ra.

Trong này có hai loại bốn câu, một loại hai câu, dựa theo trước đã hỏi nhất định phải biết về tướng của nó.

Các Kiến thành tự thì đó là Trí chẳng? Cho đến nói rộng ra.

Trong này, ba loại Kiến-Trí và Tuệ, nếu thành tự một loại thì chắc chắn có hai loại còn lại, vì vậy cho nên đều đưa ra câu trả lời như vậy.

Hỏi: Ai thành tự Kiến-Trí-Tuệ?

Đáp: Tất cả hữu tình. Đây tức là nói tổng quát. Nhưng mà có nhiều ít, nghĩa là người đoạn căn thiện, thành tự Kiến-Trí-Tuệ do kiến mà đoạn thuộc ba cõi, thành tự Trí-Tuệ nhiếp ô do tu mà đoạn thuộc ba cõi, thành tự Trí-Tuệ vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Người không đoạn căn thiện mà chưa đạt được tâm thiện của cõi Sắc, thành tự Kiến-Trí-Tuệ do kiến mà đoạn thuộc ba cõi, thành tự Trí-Tuệ nhiếp ô do

tu mà đoạn thuộc ba cõi, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện thuộc cõi Dục, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Người đã đạt được tâm thiện của cõi Sắc mà chưa lìa nhiễm cõi Dục, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ do kiến mà đoạn thuộc ba cõi, thành tựu Trí-Tuệ nhiễm ô do tu mà đoạn thuộc ba cõi, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục-Sắc, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục. Người đã lìa nhiễm cõi Dục mà chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô-sắc, nếu sinh ở cõi Dục thì thành tựu Kiến-Trí-Tuệ do kiến mà đoạn của cõi Sắc-Vô-sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục-Sắc, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục-Sắc; nếu sinh ở cõi Sắc thì không thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục, thành tựu những loại khác nói như sinh ở cõi Dục. Người đã đạt được tâm thiện của cõi Vô-sắc mà chưa lìa nhiễm cõi Sắc, nếu sinh ở cõi Dục thì thành tựu Kiến-Trí-Tuệ do kiến mà đoạn của cõi Sắc-Vô-sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của ba cõi, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục-Sắc; nếu sinh ở cõi Sắc thì không thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục, thành tựu những loại khác nói như sinh ở cõi Dục. Người đã lìa nhiễm ở cõi Sắc mà sinh ở cõi Dục, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ do kiến mà đoạn của cõi Vô-sắc, thành tựu Trí-Tuệ nhiễm ô do tu mà đoạn của cõi Vô-sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của ba cõi, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục-Sắc; nếu sinh ở cõi Sắc thì không thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục, thành tựu những loại khác nói như sinh ở cõi Dục. Người đã lìa nhiễm cõi Sắc mà sinh ở cõi Dục, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ do kiến mà đoạn của cõi Vô-sắc, thành tựu Trí-Tuệ nhiễm ô do tu mà đoạn của cõi Vô-sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của ba cõi, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục-Sắc; nếu sinh ở cõi Sắc thì không thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục, thành tựu những loại khác nói như sinh ở cõi Dục; nếu sinh ở cõi Vô-sắc thì không thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục, thành tựu những loại khác nói như sinh ở cõi Dục; nếu sinh ở cõi Vô-sắc thì không thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục-Sắc, và không thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục-Sắc. Nếu tâm dị thực sinh hiện rõ ở trước mắt, thì thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Vô-sắc; nếu tâm dị thực sinh không hiện rõ ở trước mắt, thì cũng không thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Vô-sắc; thành tựu những loại khác nói như sinh ở cõi Dục. Dị sinh là như vậy.

Nếu là Thánh giả, phần vị Tùy tín-Tùy pháp hành, Khổ trí chưa hẳn đã sinh, chưa lìa nhiễm cõi Dục thì thành tựu Kiến-Trí-Tuệ do kiến

mà đoạn của ba cõi, thành tựu Trí-Tuệ nhiễm ô do tu mà đoạn của ba cõi, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục-Sắc, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục, thành tựu Kiến-Tuệ vô lậu. Ngay phần vị ấy đã lìa nhiễm cõi Dục mà chưa lìa nhiễm cõi Sắc, thì thành tựu Kiến-Trí-Tuệ do kiến mà đoạn của cõi Sắc-Vô-sắc, thành tựu Trí-Tuệ nhiễm ô do tu mà đoạn của cõi Sắc-Vô-sắc, người chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô-sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục-Sắc; người đã đạt được tâm thiện của cõi Vô-sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của ba cõi, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục-Sắc, thành tựu Kiến-Tuệ vô lậu. Ngay phần vị ấy đã lìa nhiễm cõi Sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ do kiến mà đoạn của cõi Vô-sắc, thành tựu Trí-Tuệ nhiễm ô do tu mà đoạn của cõi Vô-sắc, thành tựu Trí-Tuệ nhiễm ô do tu àm đoạn của cõi Vô-sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của ba cõi, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục-Sắc, thành tựu Kiến-Tuệ vô lậu. Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa hẳn đã sinh, người chưa lìa nhiễm cõi Dục thành tựu Kiến-Trí-Tuệ do kiến Tập-Diệt-Đạo mà đoạn của ba cõi, thành tựu Trí-Tuệ nhiễm ô do tu mà đoạn của ba cõi, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục-Sắc, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ vô lậu. Ngay phần vị ấy đã lìa nhiễm cõi Dục mà chưa lìa nhiễm cõi Sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ do kiến Tập-Diệt-Đạo mà đoạn của cõi Sắc-Vô-sắc, thành tựu Trí-Tuệ nhiễm ô do tu mà đoạn của cõi Sắc-Vô-sắc. Người chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô-sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục-Sắc; người đã đạt được tâm thiện của cõi Vô-sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của ba cõi, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục-Sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ vô lậu. Ngay phần vị ấy đã lìa nhiễm cõi Sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ do kiến Tập-Diệt-Đạo mà đoạn của cõi Vô-sắc, thành tựu Trí-Tuệ nhiễm ô do tu mà đoạn của cõi Vô-sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của ba cõi, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục-Sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ vô lậu. Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa hẳn đã sinh, người chưa lìa nhiễm cõi Dục thành tựu Kiến-Trí-Tuệ do kiến Diệt-Đạo mà đoạn của ba cõi, thành tựu Trí-Tuệ nhiễm ô do tu mà đoạn của ba cõi, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục-Sắc, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ vô lậu. Ngay phần vị ấy đã lìa nhiễm cõi Dục mà chưa lìa nhiễm cõi Sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ do kiến Diệt-Đạo mà đoạn của cõi Sắc-Vô-sắc, thành tựu Trí-Tuệ nhiễm ô do tu mà đoạn của cõi Sắc-Vô-sắc; người chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô-sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục-Sắc; người

đã đạt được tâm thiện của cõi Vô-sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của ba cõi, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục-Sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ vô lậu. Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa hẳn đã sinh, người chưa lìa nhiễm cõi Dục, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ do kiến Đạo mà đoạn của ba cõi, thành tựu Trí-Tuệ nhiễm ô do tu mà đoạn của ba cõi, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục-Sắc, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ vô lậu. Ngay phần vị ấy đã lìa nhiễm cõi Dục mà chưa lìa nhiễm cõi Sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ do kiến Đạo mà đoạn của ba cõi, Sắc-Vô-sắc, thành tựu Trí-Tuệ nhiễm ô do tu mà đoạn của cõi Sắc-Vô-sắc; người chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô-sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục-Sắc; người đã đạt được tâm thiện của cõi Vô-sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của ba cõi, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục-Sắc, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục-Sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ vô lậu. Ngay phần vị ấy đã lìa nhiễm cõi Sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ do kiến Đạo mà đoạn của cõi Vô-sắc, thành tựu Trí-Tuệ nhiễm ô do tu mà đoạn của cõi Vô-sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của ba cõi, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục-Sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ vô lậu.

Tín Thắng giải-Kiến chí chưa lìa nhiễm cõi Dục, thì thành tựu Trí-Tuệ nhiễm ô do tu mà đoạn của ba cõi, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục-Sắc, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ vô lậu. Ngay phần vị ấy đã lìa nhiễm cõi Dục, người chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô-sắc, nếu sinh ở cõi Dục thì thành tựu Trí-Tuệ nhiễm ô do tu mà đoạn của cõi Sắc-Vô-sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ của cõi Dục-Sắc, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục-Sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ vô lậu; nếu sinh ở cõi Sắc thì không thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục, thành tựu những loại khác nói như sinh ở cõi Dục. Ngay phần vị ấy đã đạt được tâm thiện của cõi Vô-sắc, người chưa lìa nhiễm cõi Sắc, nếu sinh ở cõi Dục thì thành tựu Trí-Tuệ nhiễm ô do tu mà đoạn của cõi Sắc-Vô-sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của ba cõi, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục-Sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ vô lậu; nếu sinh ở cõi Sắc thì không thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục, thành tựu những loại khác nói như sinh ở cõi Dục. Ngay phần vị ấy đã lìa nhiễm cõi Sắc, nếu sinh ở cõi Dục thì thành tựu Trí-Tuệ nhiễm ô do tu mà đoạn của cõi Vô-sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của ba cõi, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục-Sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ vô lậu; nếu sinh ở cõi Sắc thì không thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục, thành tựu những loại

khác nói như sinh ở cõi Dục; nếu sinh ở cõi Vô-sắc thì không thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Dục-Sắc, và không thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục-Sắc. Nếu tâm dị thực sinh hiện rõ ở trước mắt, thì thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Vô-sắc; nếu tâm dị thực sinh không hiện rõ ở trước mắt, thì cũng không thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Vô-sắc, thành tựu những loại khác nói như sinh ở cõi Dục. A-la-hán, nếu sinh ở cõi Dục thì thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của ba cõi, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục-Sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ vô lậu; nếu sinh ở cõi Sắc thì thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Sắc-Vô-sắc, thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Dục-Sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ vô lậu; nếu sinh ở cõi Vô-sắc, tâm dị thực sinh không hiện rõ ở trước mắt, thì thành tựu Kiến-Trí-Tuệ thiện của cõi Vô-sắc, thành tựu Kiến-Trí-Tuệ vô lậu; nếu tâm dị thực sinh hiện rõ ở trước mắt, thì cũng thành tựu Trí-Tuệ vô phú vô ký của cõi Vô-sắc.

Hỏi: Các Kiến đã đoạn-đã biết khắp thì đó là Trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử Trí đã đoạn-đã biết khắp thì đó là Kiến chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Các kiến đã đoạn-đã biết khắp thì đó là Tuệ chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử Tuệ đã đoạn-đã biết khắp thì đó là Trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Nguyên cố thế nào? Bởi vì phần vị đoạn-biết khắp của ba loại Kiến-Trí và Tuệ đều giống như nhau.

Hỏi: Ai đã đoạn-đã biết khắp đối với Kiến-Trí-Tuệ?

Đáp: Các A-la-hán, đây là nói đến phần vị đoạn-biết khắp ở mức độ cuối cùng (cửu cánh), Hữu học và dị sinh nhiều-ít không nhất định. Nghĩa là A-la-hán đối với Kiến-Trí-Tuệ của ba cõi, đều đã đoạn-đã biết khắp. Những người Bất hoàn, nếu đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, thì Kiến-Trí-Tuệ do kiến đoạn của ba cõi, và Kiến-Trí-Tuệ do tu mà đoạn của tám địa, đã đoạn-đã biết khắp; cho đến nếu chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, thì Kiến-Trí-Tuệ do kiến mà đoạn của ba cõi, và Kiến-Trí-Tuệ do tu mà đoạn của cõi Dục, đã đoạn-đã biết khắp. Những người Nhất-lai-Dự lưu, thì đã đoạn-đã biết khắp đối với Kiến-Trí-Tuệ do kiến mà đoạn của ba cõi. Tùy tín-Tùy pháp hành, nếu Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa hẳn đã sinh, thì Kiến-Trí-Tuệ do kiến Khổ-Tập-Diệt mà đoạn của ba cõi, đã đoạn-đã biết khắp; nếu Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa hẳn đã sinh, thì Kiến-Trí-Tuệ do Kiến khổ-Tập mà đoạn của ba cõi, đã đoạn-đã biết khắp; nếu khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa hẳn đã

sinh, thì Kiến-Trí-Tuệ do kiến Khổ mà đoạn của ba cõi, đã đoạn-đã biết khắp. Thánh giả là như vậy.

Nếu là các dị sinh đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, thì Kiến-Trí-Tuệ do kiến và tu mà đoạn của tám địa, đã đoạn-đã biết khắp; cho đến đã lìa nhiễm cõi Dục mà chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, Kiến-Trí-Tuệ do kiến và tu mà đoạn của một địa, đã đoạn-đã biết khắp. Đó gọi là ba môn Kiến-Trí-Tuệ nhất định thấu nhiếp thành tựu Đoạn thuộc năm môn phân biệt.

Các Chánh kiến là Trạch pháp Giác chi chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Phần luận trước là nơi nương tựa căn bản của phần luận này, nghĩa là phần trước nói như vậy: “Thế nào là Kiến? Thế nào là Trí? Thế nào là Tuệ?” tuy nói ra như vậy mà chưa phân biệt về Chánh kiến-Chánh trí, và Trạch pháp Giác chi cùng có rộng hẹp, nay muốn phân biệt điều ấy, cho nên soạn ra phần luận này.

Nhưng ở trong luận A Tỳ Đạt Ma Phát Trí này có tướng quyết định. Nếu sau Giác chi phân biệt về Đạo chi, thì đạo chi là vô lậu, bởi vì bảy Giác chi chỉ riêng vô lậu. Nếu trước Giác chi phân biệt về Đạo chi, thì Đạo chi gồm chung hữu lậu và vô lậu. Bởi vì trong này trước Giác chi phân biệt về Đạo chi, cho nên biết Đạo chi gồm những hữu lậu và vô lậu. Đó gọi là Tỳ Bà Sa tóm lược ở nơi này. Những người có trí nên tùy theo mà phân biệt.

Hỏi: Các Chánh kiến và Trạch pháp Giác chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì Chánh kiến và Trạch pháp Giác chi đều có rộng hẹp.

1. Có lúc Chánh kiến không phải là Trạch pháp Giác chi, đó là Chánh kiến thế tục dùng Giác chi hỗ trợ, mà Giác ngộ như thật chỉ là vô lậu.

2. Có lúc Trạch pháp Giác chi không phải là Chánh kiến, đó là Tận trí-Vô sinh trí vốn không phải là tánh Kiến.

3. Có lúc chánh kiến cũng là Trạch pháp Giác chi, đó là trừ ra Tận trí-Vô sinh trí, còn lại Tuệ vô lậu, tức là tám Nhãn thuộc hiện quán biên, và tám Trí về Học-Chánh kiến vô học, bởi vì ba loại như vậy có đủ hai tướng.

4. Có lúc không phải là Chánh kiến cũng không phải là Trạch pháp Giác chi, đó là trừ ra những tướng trước. Tướng là thuộc về danh, những trước đã nói rộng. Điều này lại là thế nào? Đó là trong Hành uẩn

trừ ra Tuệ thiện tương ứng với ý thức, còn lại các Hành uẩn toàn uẩn toàn phần cùng với pháp vô vi làm thành câu thứ tư.

Hỏi: Các Chánh trí là Trạch pháp Giác chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì Chánh trí và Trạch pháp Giác chi cùng có rộng hẹp.

1. Có lúc Chánh trí không phải là Trạch pháp.

2. Giác chi không phải là Chánh trí, đó là Nhẫn vô lậu, bởi vì Nhẫn ấy không có tướng của Trí.

3. Có lúc Chánh trí cũng là Trạch pháp Giác chi, đó là trừ ra Nhẫn vô lậu, còn lại Tuệ vô lậu, tức là tám Trí về Học và Tận trí-Vô sinh trí-Chánh kiến vô học, bởi vì có đủ hai tướng.

4. Có lúc không phải là Chánh trí cũng không phải là Trạch pháp Giác chi, đó là trừ ra những tướng trước. Tướng là thuộc về danh, như trước đã nói rộng. Điều này lại thế nào? Đó là trong Hành uẩn trừ ra Tuệ thiện tương ứng với sáu thức, còn lại các Hành uẩn và bốn Uẩn toàn phần cùng với pháp vô vi làm thành câu thứ tư.

Hỏi: Tại sao trong này chỉ nói Chánh kiến-Chánh trí và Trạch pháp Giác chi cùng có rộng hẹp, mà không nói những Đạo chi khác và Giác chi khác cùng có rộng hẹp?

Đáp: Bởi vì là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, trong này cũng nên nói các pháp là Chánh cần cũng là Tinh tiến Giác chi chăng?

Trả lời: Các pháp là Tinh tiến Giác chi cũng là Chánh cần. Có pháp là Chánh cần mà không phải là Tinh tiến Giác chi, đó là Chánh tinh tiến thế tục.

Cho đến các pháp là Chánh định cũng là Định Giác chi chăng?

Trả lời: Các pháp là Định Giác chi cũng là Chánh định. Đó pháp là Chánh định mà là phải là Định Giác chi, đó là Chánh định thế tục. Nên nói như vậy mà không nói, thì phải biết là trong này có cách nói khác.

Lại nữa, trong này đã nói là hiển bày về trước- hiển bày về sau mà lược qua phần giữa, cho nên nói như vậy. Trước là Chánh kiến, sau là Chánh trí. Như hiển bày về trước và sau, bắt đầu tiến vào-đã vượt qua, phương tiện cứu-cánh, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, nếu pháp đối lập với nhau đầy đủ bốn câu thì trong này nói đến pháp ấy, nếu pháp đối lập với nhau chỉ có thuận theo câu sau thì trong này không nói.

Lại nữa, trong Trí uẩn này nếu pháp là tự tánh của Kiến-Trí-Tuệ, thì phân biệt pháp ấy là chủng loại của Trí; bởi vì Tính tiên Niệm-Định không phải là chủng loại của Trí, cho nên trong này không nói đến.

Bảy Giác chi-tám Đạo chi, mỗi một loại vào lúc hiện rõ ở trước mắt thì có mấy Giác chi-mấy Đạo chi hiện rõ ở trước mắt?

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về chánh lý. Nghĩa là hoặc có người nói: Các pháp tâm sở theo thứ tự mà sinh khởi, chứ không phải là sinh khởi cùng một lúc. Như pháp Thí Dụ đã nói. Đại đức cũng nói: “Các pháp tâm sở theo thứ tự mà sinh khởi, không phải là sinh khởi cùng một lúc. Như nhiều người buồn đi qua một con đường hẹp, cần phải từng người một đi qua chứ không phải là hai-không phải là nhiều người đi qua cùng một lúc. Các pháp tâm sở cũng lại như vậy, mỗi một pháp khác nhau do tướng sinh mà sinh ra, chắc chắn không có nghĩa cùng một lúc hòa hợp mà sinh.”

Hỏi: Họ dựa vào Lượng nào mà đưa ra cách nói như vậy?

Đáp: Dựa vào Chí giáo lượng. Nghĩa là trong kinh nói: “Nếu vào lúc bấy giờ tâm chìm xuống sợ rằng chìm xuống, tu ba Giác chi gọi là tu không đúng lúc, đó là Khinh an- Định và Xả; tu ba Giác chi gọi là tu đúng lúc, đó là Trạch pháp-Tinh tiến và Hỷ. Nếu vào lúc bấy giờ tâm khuấy động sợ rằng khuấy động, tu ba Giác chi gọi là tu không đúng lúc, đó là Trạch pháp-Tinh tiến và Hỷ; tu ba Giác chi gọi là tu đúng lúc, đó là Khinh an-Định và Xả.” Họ đưa ra cách nói này: Giác chi đã có tu đúng lúc-tu không đúng lúc, cho nên biết tâm sở theo thứ tự mà sinh khởi, không phải là khởi lên cùng một lúc.

Lại trong kinh khác nói: “Xá-lợi-tử nói: Mình đối với bảy Giác chi nhất định có thể tùy ý tự tại an trú, nghĩa là mình muốn đối với Giác chi này nhất định an trú vào thời gian đầu ngày, thì sẽ có thể an trú; nếu mình muốn đối với Giác chi này nhất định an trú vào thời gian cuối ngày, thì sẽ có thể an trú.” Họ đưa ra cách nói này: Xá-lợi-tử đã đối với bảy Giác chi tùy theo ý muốn mà an trú, cho nên biết tâm sở theo thứ tự mà sinh khởi, không phải là khởi lên cùng một lúc, lý ấy đã được quyết định.

Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày các tâm sở có lúc sinh khởi trong cùng một thời gian, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nếu các tâm sở có lúc sinh khởi trong cùng một thời gian, thì làm sao thông hiểu kinh do họ đã dẫn chứng?

Đáp: Trong kinh trước nói, ba Giác chi tu đúng lúc-tu không đúng

lúc, chính là chứng thực về tâm sở không phải là yêu cầu theo thứ tự từng loại một mà sinh khởi; nói ba Giác chi tu cùng một lúc, cho nên chứng thực các tâm sở có lúc sinh khởi trong cùng một thời gian.

Hỏi: Nếu các Giác chi tùy theo địa đã dựa vào, hoặc sáu-hoặc bảy cùng một lúc mà sinh khởi, thì tại sao trong kinh nói tu đúng lúc-tu không đúng lúc đều chỉ có ba loại?

Đáp: Dựa vào thế dụng của Giác chi thuộc phẩm Chỉ-Quán có tăng giảm, cho nên nói như vậy. nghĩa là ba Giác chi là phẩm Xa-ma- tha, ba Giác chi là phẩm Tỳ-bát-xá-na. Nếu Giác chi thuộc phẩm Xa- ma-tha tăng lên thì làm cho tâm chìm xuống, lúc bấy giờ cần phải tu Giác chi thuộc phẩm Quán để thúc đẩy tâm làm cho nổi lên mà lại tu phẩm Chỉ cho nên nói là tu không đúng lúc. Nếu Giác chi thuộc phẩm Tỳ-bát-xá-na tăng lên thì làm cho tâm trôi nổi, lúc bấy giờ cần phải tu Giác chi thuộc phẩm Chỉ để kiềm hãm tâm làm cho thấp xuống, mà lại tu phẩm Quán cho nên nói là tu không đúng lúc. Tuy các Giác chi cùng một lúc mà khởi lên, nhưng tác dụng có tăng giảm cho nên chỉ nói là ba.

Lại nữa, lúc tiến vào Thánh đạo thì dựa vào phẩm Chỉ-Quán, bởi vì có sai biệt cho nên nói như vậy. nghĩa là nếu người dựa vào Giác chi thuộc phẩm Xa-ma-tha để tiến vào Thánh đạo, thì cần phải tu Giác chi thuộc phẩm Chỉ để kiềm hãm tâm làm cho thấp xuống, mà lại tu phẩm Quán cho nên nói là tu không đúng lúc. Nếu người dựa vào Giác chi thuộc phẩm Tỳ-bát-xá-na để tiến vào Thánh đạo, thì cần phải tu Giác chi thuộc phẩm Quán để thúc đẩy tâm làm cho nổi lên, mà lại tu phẩm Chỉ cho nên nói là tu không đúng lúc.

Có Sư khác nói: Cùng với trên trái ngược nhau, nghĩa là nếu người dựa vào Giác chi thuộc phẩm Xa-ma-tha để tiến vào Thánh đạo, tâm phần nhiều chìm xuống thấp, thì cần phải tu Giác chi thuộc phẩm Quán để thúc đẩy tâm làm cho nổi lên, mà lại tu phẩm Chỉ cho nên nói là tu không đúng lúc. Nếu người dựa vào Giác chi thuộc phẩm Tỳ-bát-xá-na để tiến vào Thánh đạo, tâm phần nhiều trôi nổi, thì cần phải tu Giác chi thuộc phẩm Chỉ để kiềm hãm tâm làm cho thấp xuống, àm lại tu phẩm Quán cho nên nói là tu không đúng lúc. Tuy Thế của các Giác chi khởi lên cùng một lúc, mà tác dụng của chúng có lúc tăng giảm, cho nên trong kinh đã nói không trái với cùng lúc khởi lên, chỉ trái với thứ tự từng loại một mà sinh khởi.

